TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/LĐ-ST
Ngày: 27 – 01 – 2026
*V/v "*Vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Văn Công Thức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Bà Trần Thị Đổi.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 16/2025/TLST – LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội "* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ R, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Hoài P, sinh năm 1988.
Địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH S.
Địa chỉ trụ sở: Ấp N, xã M, tỉnh Tây Ninh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Y (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Trần Phương T, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh (xin vắng mặt)

- Bảo hiểm xã hội tỉnh L nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh T; Địa chỉ trụ sở: Số H tuyến tránh, Quốc lộ A, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 7 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ R do ông Võ Hoài P đại diện trình bày:

Từ tháng 4/2005 cho đến tháng 12/2006, bà Nguyễn Thị Mỹ R làm việc tại Công ty TNHH P1, bà có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 0205117347.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Trần Phương T có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà R đã cho bà T mượn giấy chứng minh nhân dân để bà T đi làm tại Công ty TNHH S trong khoảng thời gian từ tháng 9/2005 đến tháng 5/2006. Khi bà T mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ R làm việc tại Công ty TNHH S thì bà T cũng tham gia bảo hiểm mang tên Nguyễn Thị Mỹ R với sổ bảo hiểm xã hội số 4805019786.

Việc bà R cho bà T mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH S không phải do bản thân bà R thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội số 0205117347 và số 4805019786 cùng mang tên là Nguyễn Thị Mỹ R nên bà R không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa Nguyễn Thị Mỹ R (do bà Trần Phương T làm việc) với Công ty TNHH S từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 5 năm 2006;

2/ Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Mỹ R trên sổ bảo hiểm xã hội số 4805019786 từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 5 năm 2006 tại Công ty TNHH S thành tên Trần Phương T.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Phương T có văn bản trình bày ngày 05/12/2025 như sau: Bà xác định có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Mỹ R để vào làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 5 năm 2006 và có tham gia bảo hiểm xã hội. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà R và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh T trình bày tại văn bản ngày 25/11/2025 như sau: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L nay là Bảo hiểm

xã hội tỉnh T xác định Công ty TNHH S có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Mỹ R từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 5 năm 2006 với sổ bảo hiểm số 4805019786, bà R đã hưởng chế độ BHXH 01 lần không có tham gia BHTN.

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L, căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, BHXH thực hiện theo nội dung Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. BHXH không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 49 của Luật số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội Khóa 14, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ R về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Mỹ R (do bà Trần Phương T thực hiện) với Công ty TNHH S từ tháng 9/2005 đến tháng 5/2006; Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Mỹ R trên sổ bảo hiểm xã hội số 4805019786 thành tên Trần Phương T. Thời gian lao động thực tế từ tháng 9/2005 đến tháng 5/2006 tại Công ty TNHH S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ R nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH S có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nay là xã M, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Mỹ R là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Trần Phương T và Bảo hiểm xã hội tỉnh T được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ R khởi kiện Công ty TNHH S vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà R có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ R có nộp Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội với sổ BHXH số 0205117347 và số 4805019786.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị Mỹ R khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Nguyễn Thị Mỹ R nhưng do bà Trần Phương T là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH S là vô hiệu. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Mỹ R không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh T xác định Công ty TNHH S có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Mỹ R từ tháng 9/2005 đến tháng 5/2006 với sổ bảo hiểm số 4805019786 nên có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Mỹ R với Công ty TNHH S có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 9/2005 đến tháng 5/2006.

[2.2]. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Mỹ R có cho bà Trần Phương T mượn chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Mỹ R để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2005 đến tháng 5/2006 tại Công ty TNHH S theo sổ BHXH số 4805019786. Trong khi đó bà Nguyễn Thị Mỹ R cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH P1, bà có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 0205117347.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 5 năm 2006 thì người mang tên Nguyễn Thị Mỹ R cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty TNHH S và Công ty TNHH P1.

Do đó, việc bà Trần Phương T tham gia trực tiếp lao động với Công ty TNHH S nhưng ký hợp đồng lao động với tên người lao động là Nguyễn Thị Mỹ R là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được

sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Mỹ R với Công ty TNHH S là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ R là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Nguyễn Thị Mỹ R trên Sổ bảo hiểm xã hội số 4805019786 trong giai đoạn từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 5 năm 2006 tại Công ty TNHH S thành tên Trần Phương T.

[3]. Bà Trần Phương T, Công ty TNHH S không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5].Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ R tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ R về việc: "*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*" với Công ty TNHH S.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Mỹ R (do bà Trần Phương T là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH S từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 5 năm 2006.

1.2. Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Mỹ R trên sổ bảo hiểm số 4805019786 trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 5 năm 2006 thành tên Trần Phương T.

Bà Nguyễn Thị Mỹ R và bà Trần Phương T được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 4805019786 từ tên Nguyễn Thị Mỹ R thành tên Trần Phương T.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ R tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006585 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà R đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Công Thức